

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Văn N, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn LV, xã HH, huyện VB, tỉnh Nam Định;

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ: Xóm BV, xã DQ, huyện TN, thành phố Hải Phòng; hiện đang cư trú tại: Hy, Hi, Ha, Og 657-1-301, Nhật Bản.

Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H cùng vắng mặt tại phiên tòa và cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Mai Văn N trình bày:

Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Văn phòng hành chính thành phố Himeji, tỉnh Hyogo, Nhật Bản ngày 22/11/2018. Trước khi kết hôn, anh N là tu nghiệp sinh ở Nhật, chị H là người Việt Nam định cư tại Nhật. Sau một thời gian, anh N về Việt Nam mới đăng ký kết hôn. Do vợ chồng sống xa cách nhau, anh N ở Việt Nam còn chị H ở Nhật nên hay xảy ra mâu thuẫn, đồng thời cũng do dịch bệnh nên chị H không về Việt Nam được.

Nay anh N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung và tài sản chung: Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H không có con chung và không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn là chị Lê Thị H đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trình bày:

Chị Lê Thị H thống nhất với lời trình bày của anh Mai Văn N về việc kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống mỗi người mỗi nơi nên chị đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn N. Do chị Lê Thị H ở Nhật Bản không thể về Việt Nam giải quyết việc ly hôn được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không tiến hành hòa giải, chị đã ủy quyền cho bà Lê Thị Kh là mẹ đẻ nhận thay tất cả văn bản tố tụng của Tòa án.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh N không có con chung, không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Mai Văn N và chị Lê Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa, anh Mai Văn N và chị Lê Thị H đều vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan điểm giải quyết vụ án của anh Mai Văn N và chị Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Mai Văn N hiện đang cư trú tại tỉnh Nam Định có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với chị Lê Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại Nhật Bản; chị H cũng có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Văn phòng hành chính thành phố Himeji, tỉnh Hyogo, Nhật Bản ngày 22/11/2018, anh chị đã làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản vào ngày 30/11/2018 nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện do anh Mai Văn N và chị Lê Thị H sống xa nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ gia đình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh N xin ly hôn với chị H và được chị H đồng ý là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho anh Mai Văn N được ly hôn với chị Lê Thị H.

[4] Về con chung: Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Anh Mai Văn N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn N được ly hôn chị Lê Thị H
2. Về con chung: Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh Mai Văn N và chị Lê Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mai Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018781 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, anh N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Anh Mai Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- **Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại**
Nhật Bản;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà